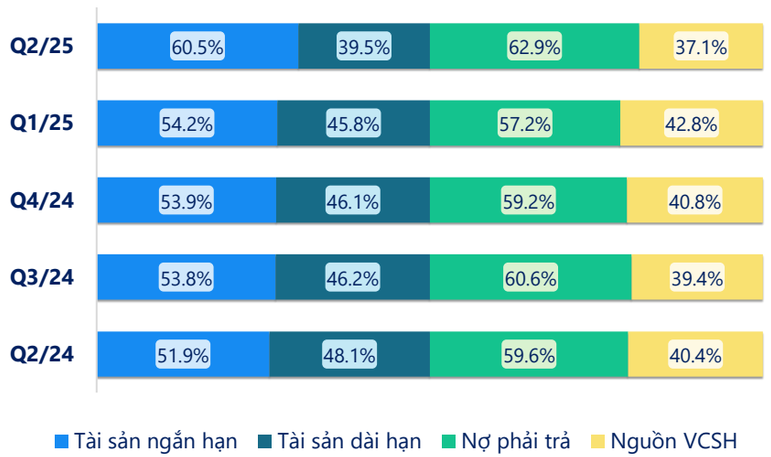
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	43,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,361,170
% sở hữu nước ngoài	5.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,375
P/E	17.2
EPS	2,518

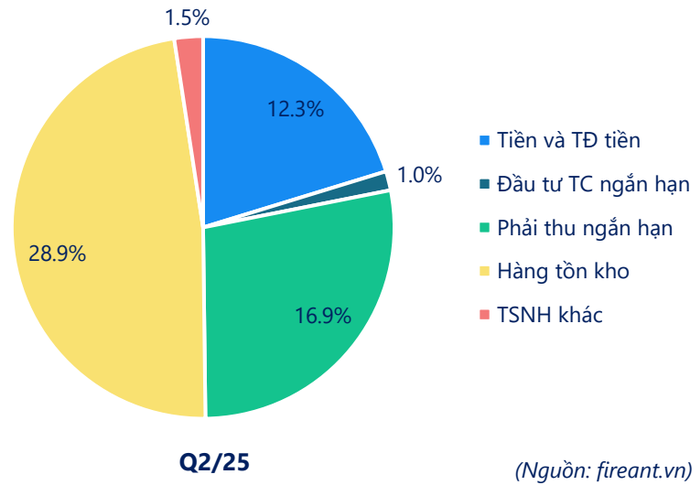
	YTD	1T	3T	6T
DPG	48.4%	4.4%	37.1%	46.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



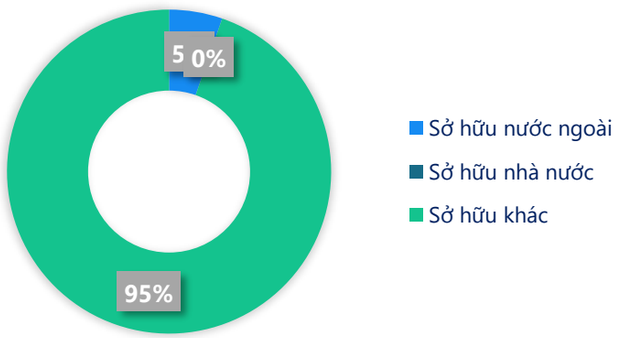
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



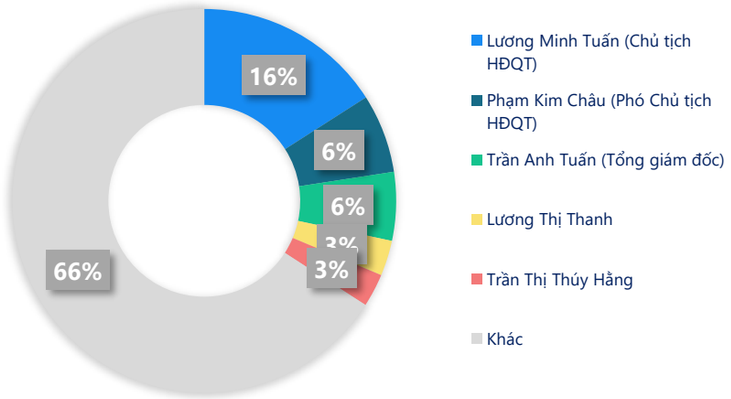
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



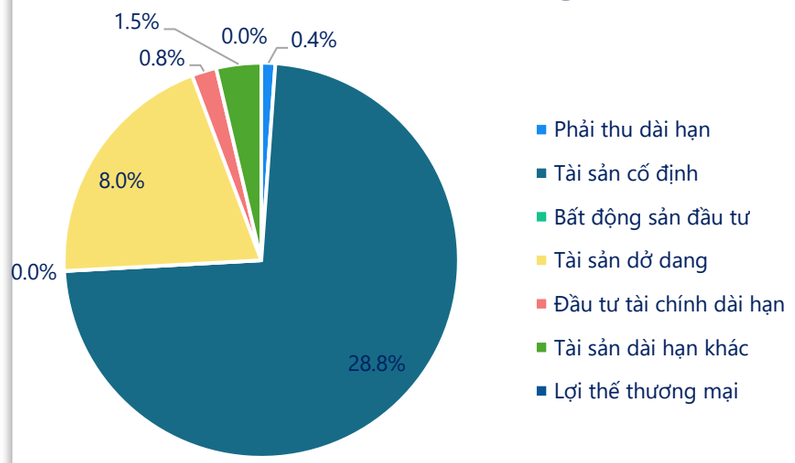
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

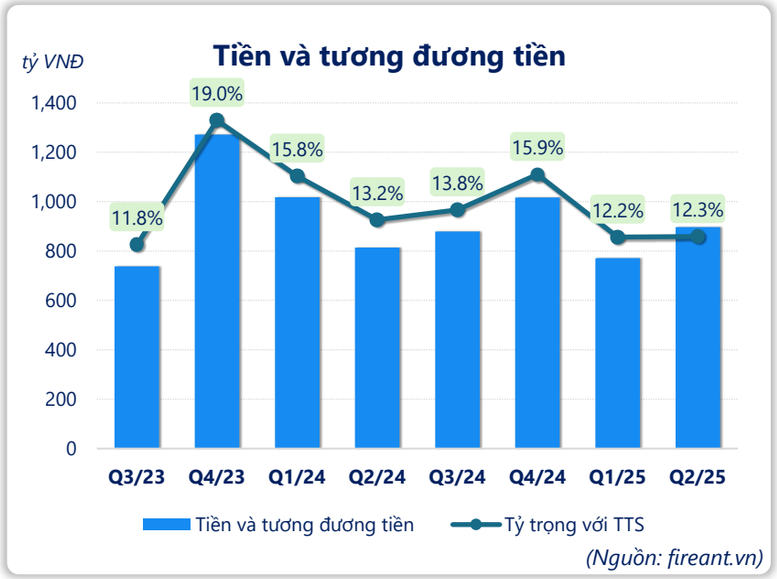
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



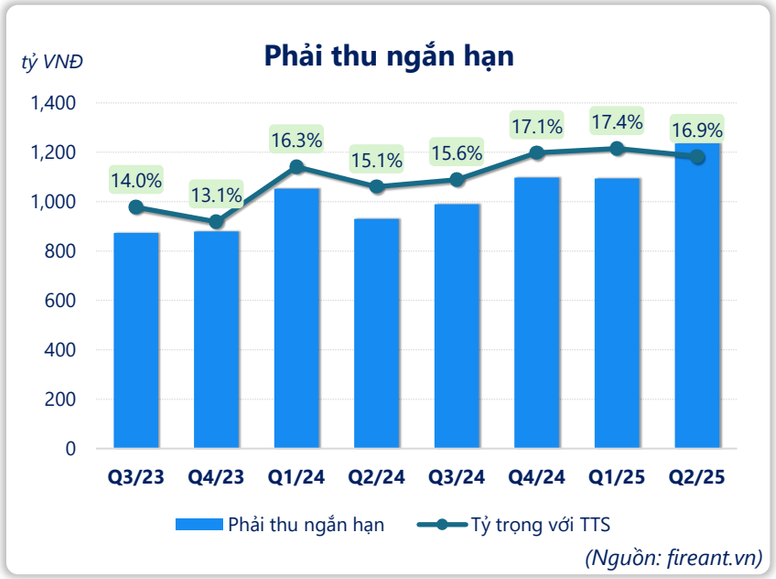
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

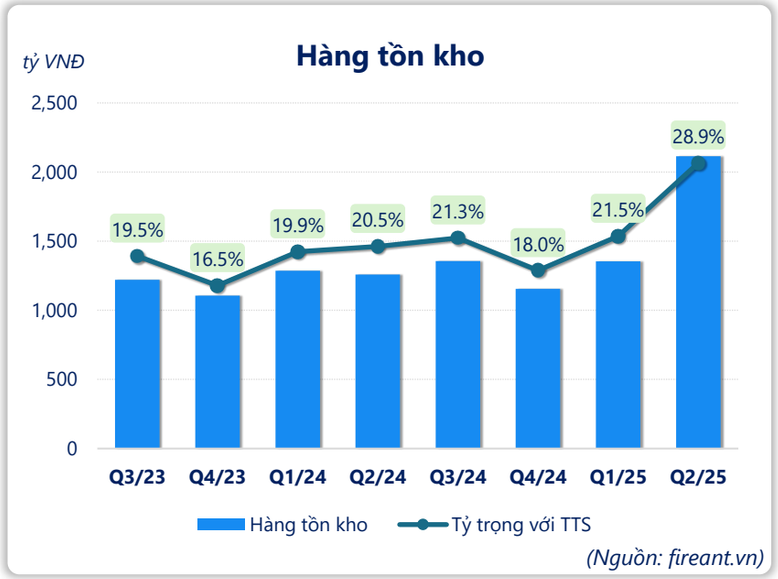
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



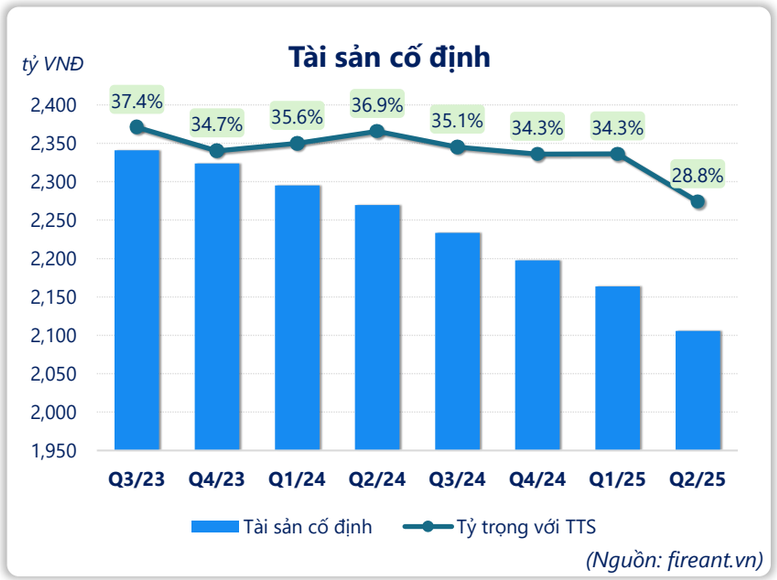
(Nguồn: fireant.vn)



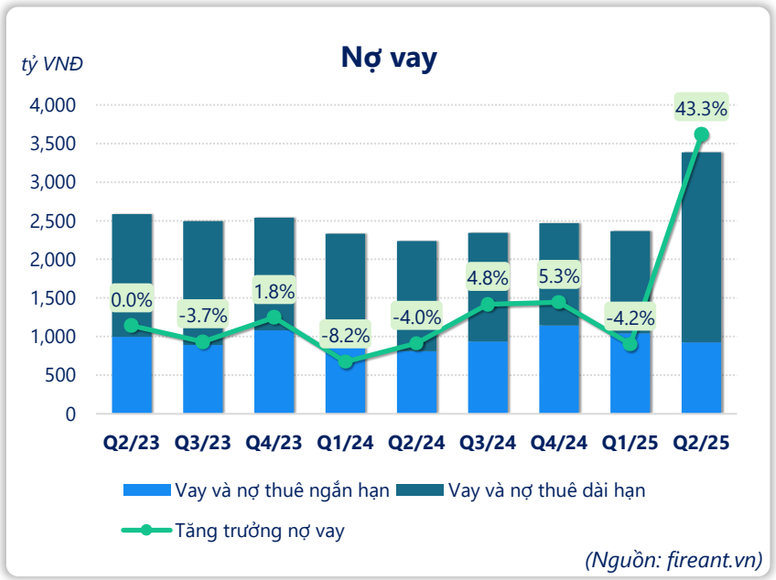
(Nguồn: fireant.vn)



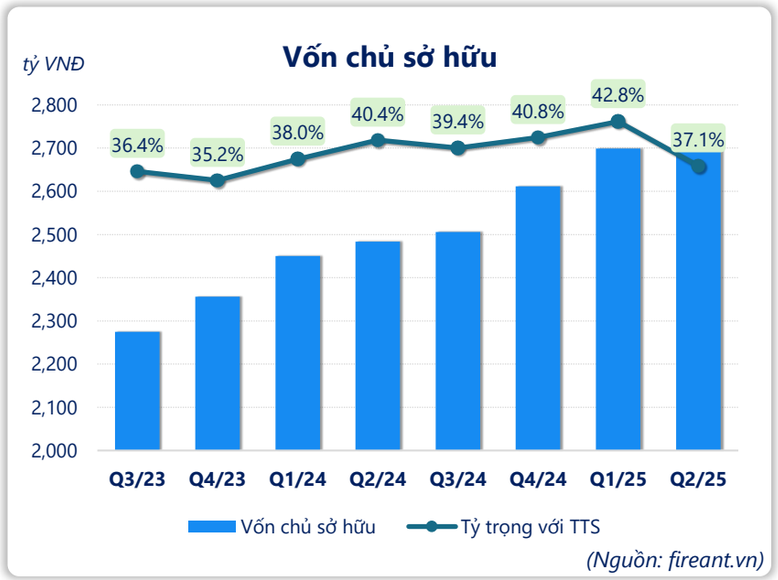
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



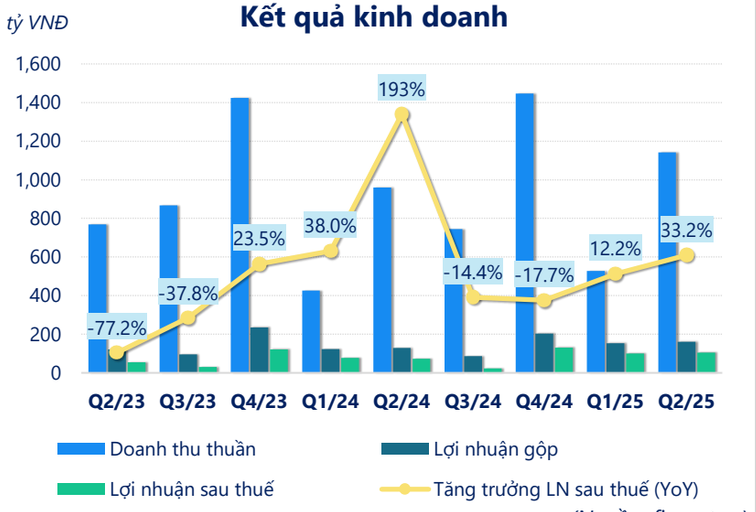
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

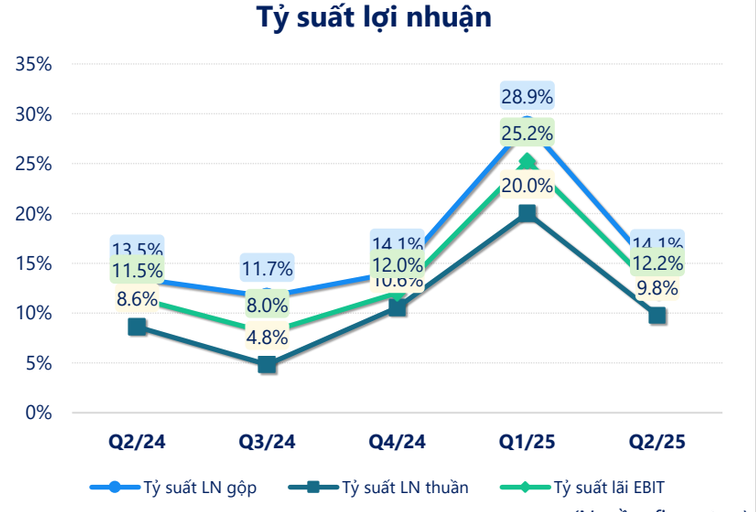
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Kết quả kinh doanh



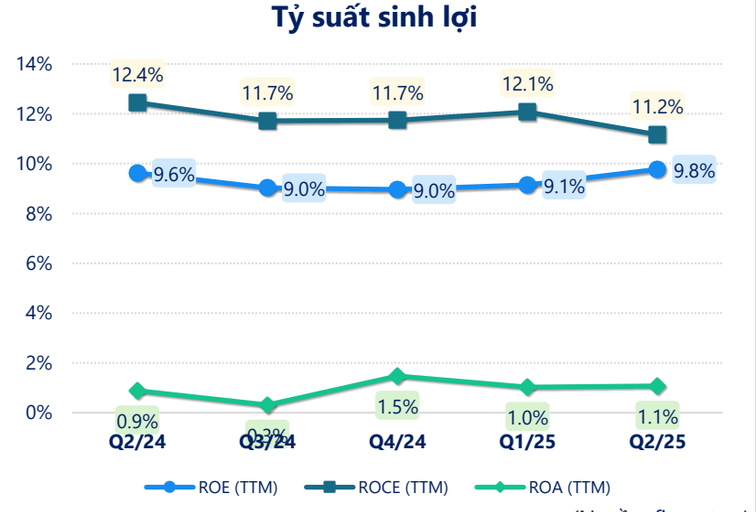
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



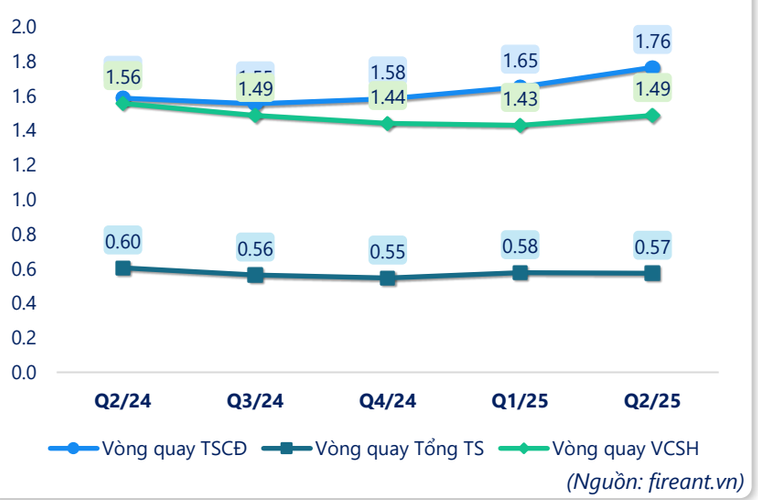
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



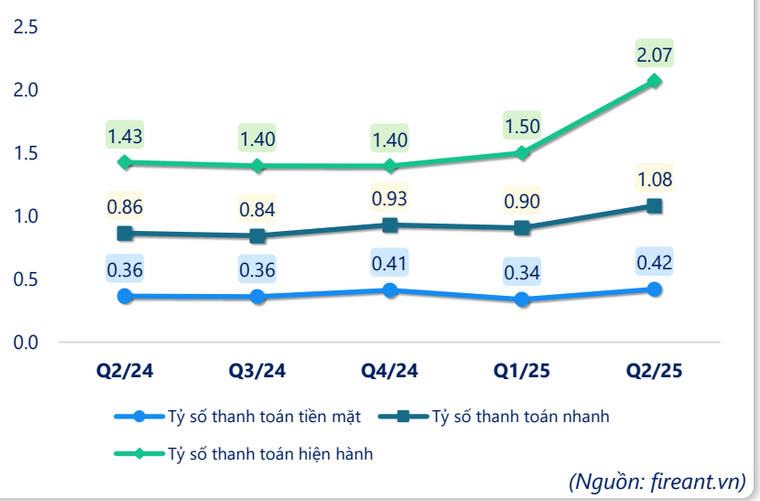
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



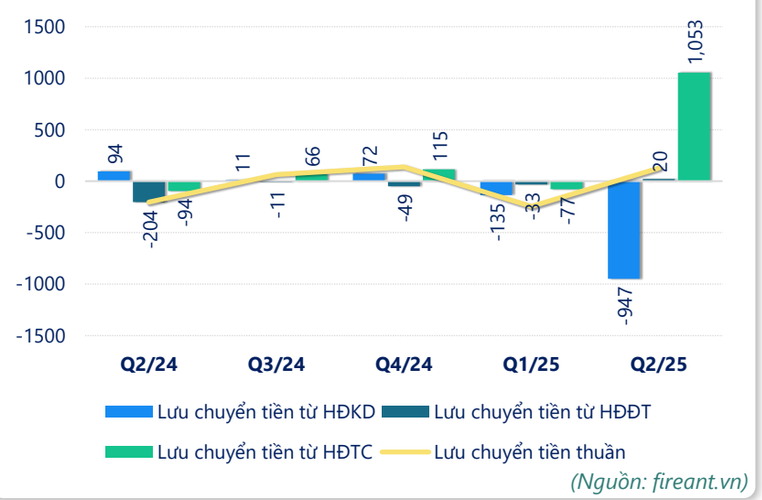
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,312**	**6,419**	**13.9%**
Tài sản ngắn hạn	4,427	3,527	25.5%
Tiền và tương đương tiền	897	1,017	-11.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.5	69.5	2.9%
Phải thu ngắn hạn	1,236	1,107	11.7%
Hàng tồn kho	2,115	1,222	73.0%
Tài sản ngắn hạn khác	107	113	-4.6%
Tài sản dài hạn	**2,885**	**2,891**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	32.9	32.0	2.8%
Tài sản cố định	2,106	2,200	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	582	494	17.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	58.5	11.0	429%
Tài sản dài hạn khác	**106**	**155**	**-31.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,601	3,806	20.9%
Nợ ngắn hạn	**2,139**	**2,481**	**-13.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	925	1,144	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	207	415	-50.1%
Nợ dài hạn	2,462	1,325	85.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,462	1,324	86.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,711**	**2,613**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,711**	**2,613**	**3.8%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	960	745	1,446	528	1,142
Giá vốn hàng bán	831	658	1,242	375	981
Lợi nhuận gộp	130	86.8	204	153	160
Doanh thu HĐTC	3.12	3.83	4.06	3.24	3.63
Chi phí TC	27.0	29.4	27.7	28.1	28.5
Chi phí lãi vay	27.8	29.4	27.4	28.0	28.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.76	0.29	0.35	0.79	1.60
Chi phí QLDN	22.2	24.9	27.3	21.4	22.5
LN thuần từ HĐKD	82.8	36.0	153	106	111
Lợi nhuận khác	-0.34	-5.47	-6.00	-0.39	-0.37
LN trước thuế	82.4	30.6	147	105	111
Lợi nhuận sau thuế	72.3	22.2	130	100	104
LNST của CĐ cty mẹ	53.8	19.8	96.6	65.3	72.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.7	10.5	71.8	-135	-947
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-204	-11.1	-48.9	-32.8	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-94.0	65.5	115	-77.5	1,053
Tiền đầu kỳ	1,018	814	879	1,017	771
Lưu chuyển tiền thuần	**-204**	**64.9**	**138**	**-245**	**126**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	814	879	1,017	771	897

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic